

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 03-08-2026

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Loan
2. Bà Lê Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 03 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 450/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2026 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Thùy M, sinh ngày 02-12-1994; Hộ chiếu số Q00677949 do T tại H, T, Hoa Kỳ cấp ngày 05-3-2025 (Hộ chiếu cũ số C0367951 do Cục Q cấp ngày 05-5-2015).

Nơi cư trú: 2932 SE 160th A, P, O, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo uỷ quyền giao nhận tài liệu, chứng cứ cho nguyên đơn: Bà Dương Thị Kim H, sinh năm 1992; Căn cước công dân số 077192000971; hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Ấp V (Nay là ấp P), xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Cao Văn D, sinh ngày 10-9-1990; Căn cước công dân số 077090011436;

Địa chỉ: Tổ D, ấp F (Nay là ấp X), xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà M, ông D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Thùy M, trình bày:

Bà M và ông Cao Văn D đăng ký kết hôn vào ngày 27-7-2018 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2018.

Sau khi đăng ký kết hôn, bà M trở về nước Hoa Kỳ vì bà M đã định cư trước đó nên giữa bà và ông D không chung sống với nhau, cuộc sống hôn nhân không gắn bó, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay, bà M yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết những yêu cầu sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thùy M yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông Cao Văn D.

Về con chung: Bà Dương Thị Thùy M và ông Cao Văn D không có con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị Thùy M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông D trình bày:

Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 03 tháng, ông D và bà Dương Thị Thùy M mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 27-7-2018 tại Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng 01 tháng thì bà M trở về nước Hoa Kỳ để sinh sống (vì trước đó bà M đã định cư tại Hoa Kỳ).

Thời gian đầu sau khi bà M trở về nước Hoa Kỳ, vợ chồng ông vẫn liên lạc với nhau nhưng khoảng năm 2024, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do sống xa nhau nên giữa vợ chồng không còn sự kết nối tình cảm, không có sự chia sẻ trong cuộc sống nên từ đó mỗi lần liên lạc qua điện thoại vợ chồng lại cãi vã nhau. Từ khoảng giữa năm 2025, ông D và bà M không còn liên lạc với nhau.

Nay, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn nên ông đồng ý ly hôn nhưng vì là người theo đạo Công giáo nên ông không đồng ý thuận tình ly hôn mà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đơn phương theo yêu cầu của bà M, ông không có ý kiến.

Về con chung: Ông Cao Văn D và bà Dương Thị Thùy M không có con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông Cao Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Dương Thị Thùy M và ông Cao Văn D sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay bà M yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”.

Bà Dương Thị Thùy M và ông Cao Văn D đều có Quốc tịch Việt Nam, tuy nhiên bà M đang sinh sống tại nước ngoài còn ông D cư trú tại địa chỉ tổ D, ấp F (Nay là ấp X), xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt và có Công văn số 330/CV-VKS ngày 31-7-2026 về việc vụ án không thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không tham gia phiên toà.

[1.3]. Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn bà M hiện đang cư trú ở nước ngoài nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ; trong đơn khởi kiện, bản tự khai bà M, đã trình bày ý kiến và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và các phiên toà;

Bị đơn ông Cao Văn D vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông D.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà M và ông D trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27-7-2018 tại UBND huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ).

Theo bà M, sau khi kết hôn bà M trở về nước Hoa Kỳ để sinh sống nên bà và ông D không sống chung với nhau, cuộc sống hôn nhân không gắn bó, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo ông D, sau khi kết hôn vợ chồng ông hạnh phúc được một thời gian ngắn nhưng khoảng năm 2024 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng sống xa nhau nên không có sự kết nối tình cảm, giữa vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống nên từ đó mỗi lần liên lạc qua điện thoại thì vợ chồng lại cãi vã nhau. Từ khoảng giữa năm 2025, vợ chồng ông bà không còn liên lạc với nhau.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông D đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà M được ly hôn với ông D.

[2.2]. Về nuôi con chung: Bà Dương Thị Thùy M và ông Cao Văn D không có con chung.

[2.3]. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị Thùy M và ông Cao Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235, Điều 238, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Dương Thị Thùy M và ông Cao Văn D.

2. Về nuôi con chung: Bà Dương Thị Thùy M và ông Cao Văn D không có con chung.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị Thùy M và ông Cao Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Dương Thị Thùy M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024533 ngày 17 tháng 04 năm 2026; bà Dương Thị Thùy M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ đề yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV14 TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV14 TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Bình Giã, TP. Hồ Chí Minh;
(GCNKH số 55/2018)
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Thanh Nga

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Nga